

Bản án số: **32/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **14/11/2018**

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hoàng Thị Xuân Hương**

Bà **Phan Thị Thủy Tiên**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông **Phan Lạc Mạnh** – Cán bộ tòa án nhân dân quận Thanh Xuân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:
Bà **Vũ Thị Anh Đào** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, T.p Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 164/2018/HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 273/QĐXX-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị L.** - Sinh năm: 1988 (có mặt)

HKTT: Đội 7 thôn N., xã Th., huyện K., tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số nhà 122, ngõ 3, tập thể đài phát thanh, Tổ dân phố số 1, Phường M., quận N., T.p Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn T.** – Sinh năm: 1982 (có mặt)

HKTT: Đội 7 thôn N., xã Th., huyện K., tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Số 94, phố T., phường K., Q. Thanh Xuân, T.p Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị L. trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn T. ngày 11/6/2013. Anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Th., huyện K., tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn,

vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T. có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng cãi vã, xô xát, không còn lòng tin. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T. không thay đổi, vợ chồng không còn quan tâm, quý trọng nhau như trước. Tháng 7/2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh T. và gia đình đuổi chị L. ra khỏi nhà nên chị phải rời khỏi nhà anh T. đi chỗ khác ở. Từ đó vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ về mặt tình cảm và kinh tế. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, chị L. nhiều lần về đón con nhưng anh T. và gia đình không cho chị đón con, thậm chí khi chị gặp con, gia đình anh T. cản trở gây khó khăn cho chị. Nay chị L. xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T. không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị L. khai anh chị có 01 con chung là cháu Trần Nhật Bảo L. (sinh ngày 14/1/2014). Do gia đình anh T. đuổi chị L. đi, nên khi đi, chị không đưa được cháu đi cùng. Sau đó, chị L. có về đón cháu thì gia đình anh T. ngăn cản, thậm chí hiện nay việc thăm gặp con gia đình anh T. cũng không cho phép. Nguyên vọng của chị L. xin được trực tiếp chăm sóc con chung. Chị L. không yêu cầu anh T. phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị L. làm tại Công ty DETECH, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung:

Chị L. và anh T. không có tài sản chung, nhà ở chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải... bị đơn, anh Trần Văn T. trình bày:

Anh T. kết hôn với chị L. vào ngày 11/6/2013 trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th., huyện K., tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 6 tháng. Vợ chồng đã có nhiều vấn đề, sống không có tiếng nói chung, thường cãi nhau nhiều lần và chị L. đã nói với anh T. về nguyện vọng vợ chồng chia tay. Anh T. đã chuẩn bị tinh thần và nói khi con anh được sinh ra, anh sẽ cho chị L. được toại nguyện, vợ chồng sẽ chia tay, mỗi người một cuộc sống riêng.

Sau khi sinh con ra, chị L. xin anh T. đưa con lên Hà Nội sinh sống. Lên Hà Nội được 1 tháng thì vợ chồng lại cãi nhau. Chị L. dọa anh T. nếu còn sống như thế này thì giải thoát cho chị được thoải mái, chị L. đe dọa anh T. sẽ giết con và bỏ nhà đi trong đêm... Anh T. đã nhẫn nại khuyên bảo chị L. suy nghĩ cho chín chắn trước khi quyết định. Nhiều lần chị L. đã đe dọa sẽ chết ở nhà anh T., hay mang theo dao, thuốc sâu để tự tử khiến gia đình anh sống trong áp lực. Đến nay anh T. xác nhận không còn tình cảm với chị L. nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T. khai anh chị có 01 con chung tên là Trần Nhật Bảo L., sinh ngày 14/1/2014. Sau ly hôn anh T. xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L. cấp dưỡng nuôi con.

Hiện tại anh T. đang thuê nhà mở cửa hàng sửa chữa xe máy và sinh sống tại số 94 Phố T., phường K., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Thu nhập trung bình mỗi tháng từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về tài sản và nhà ở chung:

Anh T. khai vợ chồng không có tài sản, nhà ở chung và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giữ quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L., anh T. vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa: Chị L., anh T. vẫn giữ nguyên ý kiến và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng việc quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị L., chị Vũ Thị L. được ly hôn anh Trần Văn T..

Về con chung: Giao cháu Trần Nhật Bảo L., sinh ngày 14/1/2014 cho chị Vũ Thị L. trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Văn T. cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản nhà ở chung: Anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Chị Vũ Thị L. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về tố tụng:

Anh Trần Văn T. sinh sống tại địa chỉ số 94 phố T., phường K., quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Vũ Thị L. và anh Trần Văn T. là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Qua các buổi hòa giải, xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ đã xác định vợ chồng chị L. và anh T. trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn: Chị L. cho rằng anh T. có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác, chị cung cấp cho tòa án 05 bức ảnh thể hiện anh T. có hành động tình cảm, ôm một người phụ nữ khác ở những hoàn cảnh, địa điểm khác nhau. Vì vậy dẫn đến vợ chồng anh chị không còn sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Tuy anh T. không thừa nhận ý kiến của chị L. nhưng khi mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng bản thân anh T. và chị L. không còn tiếng nói chung, không có biện pháp hữu hiệu để vợ chồng hàn gắn tình cảm mà ngày càng mâu thuẫn, xa cách dẫn đến ly thân, vợ chồng không còn yêu thương nhau.

Xét mâu thuẫn giữa chị L. và anh T. đã trầm trọng, kéo dài, hạnh phúc vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng ly hôn của chị L. và sự đồng ý ly hôn của anh T. là phù hợp với pháp luật. Cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L..

- Về con chung:

Qua các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nhận thấy chị Vũ Thị L. và anh Trần Văn T. có 01 con chung tên là: Trần Nhật Bảo L., sinh ngày 14/1/2014.

Chị L. và anh T. đều có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn. Nguyện vọng được nuôi con của anh chị đều là nguyện vọng chính đáng; cả hai anh chị đều có đầy đủ điều kiện để chăm sóc cháu Long. Tuy nhiên, qua các tài liệu thu thập có trong hồ sơ Hội đồng xét xử nhận thấy kể từ khi chị L. và anh T. có mâu thuẫn trầm trọng, việc chị L. được gặp gỡ chăm sóc cháu Long có một số khó khăn, bản thân chị L. có nguyện vọng tha thiết được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Long, cháu Long còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, anh T. không phải là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Long mà gửi cháu Long về quê để nhờ bà Trần Thị M. là mẹ đẻ anh T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T. xác nhận chỉ về thăm con khoảng 08 ngày/tháng để thăm nom và chu cấp rồi lại đi.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo quyền lợi cho cháu Long; xét thấy chị L. có việc làm, có thu nhập, có nơi ở ổn định nên sau khi ly hôn giao cháu Trần Nhật Bảo L., sinh ngày 14/1/2014 cho chị Vũ Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L. không yêu cầu anh T. cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối anh T. cho đến khi có sự thay đổi khác.

- **Về tài sản và nhà ở chung:** Anh chị không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Chị L. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Chị L., anh T. được kháng cáo theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ luật lệ phí án phí; Điểm a khoản 5 điều nghị khoản 8 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, danh mục mức án phí lệ phí kèm theo.

Xử:

I. Về quan hệ hôn nhân:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị L..
2. Xử cho chị Vũ Thị L. được ly hôn anh Trần Văn T..

II. Về con chung:

Vũ Thị L. và anh Trần Văn T. có 01 con chung tên là: Trần Nhật Bảo L., sinh ngày 14/1/2014.

Sau khi ly hôn giao cháu Trần Nhật Bảo L. cho chị Vũ Thị L. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Trần Văn T. cho đến khi có sự thay đổi khác.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

III. Về tài sản và nhà ở chung:

Chị Vũ Thị L. và anh Trần Văn T. xác nhận không có tài sản và nhà ở chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

IV. Về án phí:

Chị Vũ Thị L. phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001358 ngày 27/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K., tỉnh Hải Dương.

V. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị L. và anh Trần Văn T. có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Thanh Xuân;
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh